

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2026/HNGĐ- ST

Ngày: 08-6-2026

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Xuân Tư, bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tòng Văn Cách- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Vũ Bá Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2026/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Bản P, xã CL, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lường Thị D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản P, xã CL, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Lò Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn N và chị Lường Thị D kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 01/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã TC(trước là xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, hai bên gia đình hòa. Anh Lò Văn N và chị Lường Thị D đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến

nay, không ai quan tâm đến ai. Anh Lò Văn N xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị ly hôn với chị Lương Thị D.

Về con chung: Anh Lò Văn N và chị Lương Thị D có 02 (hai) con chung là cháu Lò Thị Khánh Ng, sinh ngày 30/01/2010 và cháu Lò Khánh Đ, sinh ngày 14/5/2011.

Cháu Lò Thị Khánh Ng đang ở với anh Nhật. Cháu Lò Khánh Đ đang ở với chị Duyên. Anh Nhật đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Thị Khánh Ng. Anh Nhật đề nghị chị Duyên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Khánh Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn N cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn chị Lương Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lương Thị D và anh Lò Văn N kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 01/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã TC(trước là xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nhật có biểu hiện ngoại tình dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Chị Lương Thị D và anh Lò Văn N đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, chị Lương Thị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn với anh Lò Văn N.

Về con chung: Chị Lương Thị D và anh Lò Văn N có 02 (hai) con chung là cháu Lò Thị Khánh Ng, sinh ngày 30/01/2010 và cháu Lò Khánh Đ, sinh ngày 14/5/2011.

Cháu Lò Thị Khánh Ng đang ở với anh Nhật. Cháu Lò Khánh Đ đang ở với chị Duyên. Chị Duyên đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Khánh Đ. Chị Duyên nhất trí để anh Nhật trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Thị Khánh Ng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lương Thị D cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 11/5/2026: Tại Bản P, xã CL, tỉnh Sơn La. Chị Lương Thị D và anh Lò Văn N có hộ khẩu thường trú tại Bản P, xã CL, tỉnh Sơn La; có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã TC(trước là xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không nắm rõ. Hiện tại anh Nhật và chị Duyên đã sống ly thân. Chị Lương Thị D và anh Lò Văn N có 02 (hai) con chung là cháu Lò Thị Khánh Ng, sinh ngày 30/01/2010 và cháu Lò Khánh Đ, sinh ngày 14/5/2011. Cháu Lò Thị Khánh Ng đang ở với anh Nhật. Cháu Lò Khánh Đ đang ở với chị Duyên. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Anh Lò Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh Nhật giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Chị Lương Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Duyên giữ nguyên ý kiến trong bản tự khai.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Lò Thị Khánh Ng có nguyện vọng là ở với bố, cháu Lò Khánh Đ có nguyện vọng là ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lò Văn N được ly hôn chị Lương Thị D.

Về con chung: Giao cháu Lò Thị Khánh Ng, sinh ngày 30/01/2010 cho anh Lò Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Giao cháu Lò Khánh Đ, sinh ngày 14/5/2011 cho

chị Lương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn N và chị Lương Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn N, chị Lương Thị D cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn anh Lò Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Lò Văn N yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn chị Lương Thị D có địa chỉ tại Bản P, xã CL, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, nên xác định quan hệ pháp luật là vụ án Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục hoà giải: Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Lò Văn N, bị đơn chị Lương Thị D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn N và chị Lương Thị D kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày hôn ngày 01/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã TC(trước là xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận được một thời gian có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Anh Lò Văn N và chị Lương Thị D đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, anh Nhật đề nghị được ly hôn, chị Lương Thị D nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản lấy lời khai.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nhật và chị Duyên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho anh Lò Văn N được ly hôn chị Lường Thị D.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Lò Văn N và chị Lường Thị D có 02 (hai) con chung là cháu Lò Thị Khánh Ng, sinh ngày 30/01/2010 và cháu Lò Khánh Đ, sinh ngày 14/5/2011.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai: Anh Lò Văn N và chị Lường Thị D đều có ý kiến đề nghị giao cháu Lò Thị Khánh Ng, sinh ngày 30/01/2010 cho anh Lò Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Lò Khánh Đ, sinh ngày 14/5/2011 cho chị Lường Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Lò Văn N và chị Lường Thị D đều có nơi cư trú rõ ràng, trồng trọt, chăn nuôi, có thu nhập ổn định. Từ ngày vợ chồng sống ly thân năm 2023 cho đến nay, anh Lò Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Lò Thị Khánh Ng; chị Lường Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Khánh Đ.

Ý kiến cháu Lò Thị Khánh Ng có nguyện vọng là ở với bố, cháu Lò Khánh Đ có nguyện vọng là ở với mẹ.

Trên cơ sở xem xét ý kiến của anh Nhật và chị Duyên, nguyện vọng của cháu Lò Thị Khánh Ng là ở với bố, nguyện vọng của cháu Lò Khánh Đ là ở với mẹ.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý, cần giao cháu Lò Thị Khánh Ng, sinh ngày 30/01/2010 cho anh Lò Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Giao cháu Lò Khánh Đ, sinh ngày 14/5/2011 cho chị Lường Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn N và chị Lường Thị D đều có ý kiến không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần chấp nhận. Do đó, anh Lò Văn N và chị Lường Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Anh Lò Văn N, chị Lường Thị D cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Anh Lò Văn N là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, anh Lò Văn N vắng mặt tại phiên tòa,

không có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn anh Lò Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Căn cứ a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn của anh Lò Văn N đối với chị Lương Thị D.

Xử cho anh Lò Văn N được ly hôn chị Lương Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Khánh Ng, sinh ngày 30/01/2010 cho anh Lò Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Giao cháu Lò Khánh Đ, sinh ngày 14/5/2011 cho chị Lương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn N, chị Lương Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Anh Lò Văn N, chị Lương Thị D cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Anh Lò Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000371, ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

8. Về quyền kháng cáo: Anh Lò Văn N, chị Lương Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2- Sơn La (2);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Sơn La;
- Đường sự;
- UBND xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng